

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

ĐẶNG ÁNH TUYẾT

**TƯ TƯỞNG THIÊN HỌC ĐỜI TRẦN VÀ
GIÁ TRỊ CỦA NÓ ĐỐI VỚI XÃ HỘI ĐƯƠNG THỜI**

Chuyên ngành: Lịch sử triết học

Mã số: 62 22 80 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Hà Nội, tháng 7 năm 2016

Công trình được hoàn thành tại:

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Người hướng dẫn khoa học:

GS. NGUYỄN HÙNG HẬU

Phản biện 1: GS.TS. Nguyễn Văn Huyền

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Phản biện 2: PGS.TS. Phạm Văn Nhuận

Viện Khoa học Xã hội Nhân văn quân sự

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình

*Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà
Nội.*

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án Tiến sĩ cấp cơ sở
tại Học viện Khoa học xã hội, 477, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.
Vào hồi..... giờ.....ngày.....tháng.....năm.....2016

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phật giáo Việt Nam là một tôn giáo có bề dày lịch sử, đồng hành cùng dân tộc hơn 20 thế kỷ. Sự hòa quyện giữa Phật giáo và dân tộc, từ khi du nhập cho đến nay sâu sắc và bền vững đến mức mà nhiều nhà nghiên cứu về Phật giáo ví như nước hòa với sữa. Nói như vậy để khẳng định rằng, kể từ khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam đã có sự đóng góp to lớn trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa, đạo đức, giáo dục, kiến trúc, hội họa... trở thành một trong những yếu tố cơ bản tạo nên bản sắc của văn hóa Việt Nam. Trong quá trình tồn tại, ở từng thời kỳ, Phật giáo có lúc thịnh, lúc suy song trong những tình huống gay gắt nhất của đất nước, Phật giáo đã có lúc trở thành ngọn cờ tư tưởng dẫn dắt toàn dân tộc vượt qua những khó khăn của công cuộc chống giặc ngoại xâm. Trong đó, điển hình là sự tham gia của Phật giáo đời Trần vào quá trình quản lý xã hội dẫn tới sự thành công của dân tộc trong đấu tranh giành độc lập.

Thiền học đời Trần với sự ra đời của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, đã đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ của Phật giáo tại Việt Nam. Sự ra đời của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử - dòng thiền do các ông vua và tầng lớp quý tộc nhà Trần xây dựng, đã ghi dấu ấn của sự phát triển đến đỉnh cao của thiền học Việt Nam. Hệ tư tưởng của dòng thiền này đã thu hút các tầng lớp nhân dân đương thời, giới quý tộc nhà Trần trở thành những tín đồ trung thành của đạo Phật. Họ thực hành giới luật, nghiên cứu, giải thích kinh điển, sáng tác các tác phẩm Phật giáo, truyền bá sự hiểu biết của mình về Phật giáo, khuyến khích mọi người sống theo nhân sinh quan Phật giáo. Thiền học đời Trần đã tham gia tích cực vào quá trình bảo vệ nền độc lập dân tộc; đào tạo tầng lớp trí thức trong đó có nhiều tăng thống, thiền sư, quốc sư, Phật Hoàng có đức độ và tài năng giúp trị nước an dân; hướng tầng lớp vua quan và nhân dân vào con đường thiện nghiệp, tu dưỡng đạo đức, xây dựng xã hội lành mạnh. Thiền học đời Trần đã trở thành dòng tư tưởng chủ lưu, nó không chỉ có ảnh hưởng lớn tới các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng mà còn có những đóng góp tích cực đối với công cuộc dựng nước và giữ nước.

Sự ra đời của tư tưởng Thiền học đời Trần đã khẳng định tính độc lập, tự cường của người Việt trên lĩnh vực tư tưởng, nội dung của nó chứa đựng những yếu tố có giá trị, tác động tích cực tới sự hình thành tư duy của người Việt. Những tư tưởng của Thiền học đời Trần cho đến ngày nay vẫn còn tồn tại và phát triển với sự ra đời của hệ thống các thiền viện Trúc Lâm trên phạm vi cả nước. Phong trào nghiên cứu học thuật diễn ra không chỉ trong nội bộ Phật giáo mà còn thu hút nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu.

Số lượng Phật tử ngày càng tăng lên, số lượng các tín đồ tin theo và thực hành thiền hiện nay đang trở thành một hiện tượng phổ biến...

Thiền học đời Trần đã trở thành một hiện tượng đặc sắc trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, có nhiều đóng góp vào quá trình đoàn kết toàn dân, quản lý xã hội, chống giặc ngoại xâm, xây dựng đời sống tinh thần lành mạnh trong xã hội đời Trần. Vì vậy, Phật giáo đời Trần nói chung, Thiền học đời Trần nói riêng đã trở thành một trong những nội dung được rất nhiều nhà khoa học, Phật học quan tâm nghiên cứu. Các tác giả đã đưa ra những kết luận có giá trị và cũng đồng thời đặt ra các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu ở các nội dung:

Thứ nhất, về tư tưởng triết học, tư tưởng thiền học của Phật giáo đời Trần. Nội dung này được các nhà khoa học nghiên cứu ở các mặt thể giới quan, nhân sinh quan, bản thể luận, nhận thức luận, giải thoát luận... Nghiên cứu các vấn đề này, phần lớn các tác giả đã chỉ ra các đặc điểm của Phật giáo hay Thiền học đời Trần là: thể giới quan duy vật, vô thần, biện chứng, hướng nội, biện tâm, phá chấp, nhập thế, bình đẳng, yêu nước, nhân bản... Đây là những khẳng định về giá trị tư tưởng, giá trị triết học, giá trị tinh thần của Phật giáo đời Trần được thừa nhận rộng rãi trong giới nghiên cứu.

Tuy nhiên, cùng nghiên cứu vấn đề này, một số tác giả lại có những nhận định khác với quan điểm trên, có quan điểm cho rằng Phật giáo, Thiền học đời Trần là duy tâm thần bí, bi quan, yếm thế, không có bất cứ mối liên hệ nào với tư tưởng yêu nước, triết lý nhập thế là đề xuất thế. Những nhận định trái chiều trên đây đặt ra vấn đề cần có những nghiên cứu để tiếp tục lý giải về tư tưởng Thiền học đời Trần.

Thứ hai, về vấn đề ảnh hưởng của Phật giáo đời Trần và tư tưởng Thiền học đời Trần tới xã hội đương thời. Các tác giả đã chỉ ra sự tác động của Phật giáo, thiền học đời Trần trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá xã hội... Nhìn chung, tư tưởng thiền học đời Trần đáp ứng được các nhu cầu đa dạng của xã hội đời Trần, đặc biệt là nhu cầu thống nhất về chính trị, thống nhất về tư tưởng và cố kết được lòng dân trong sự nghiệp chống giặc ngoại xâm. Vì vậy, Thiền học đời Trần đã giữ vai trò chủ đạo trong hệ thống đương thời. Nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định Phật giáo nói chung và Thiền học đời Trần nói riêng có liên quan đến tư tưởng yêu nước. Mặc dù đạo Phật không có chủ nghĩa yêu nước nhưng Phật giáo Việt Nam tách khỏi chủ nghĩa yêu nước thì không còn giá trị gì hết.

Tuy nhiên, cũng có tác giả lại chỉ ra rằng giáo lý của Phật giáo không có bất cứ một nội dung nào nói đến chủ nghĩa yêu nước, do đó hành động thể hiện tinh thần yêu nước của các nhà sư, Phật tử chỉ là do họ chịu sự chi phối của các quan hệ bà con, xóm giềng, làng nước.

Như vậy nhận định về vai trò của Thiền học đời Trần đối với xã hội đương thời vẫn đang là vấn đề còn nhiều tranh cãi cần được làm sáng tỏ.

Thứ ba, về vấn đề phương pháp nghiên cứu. Phần lớn các tác giả nghiên cứu và triển khai nội dung Phật giáo hay thiền học đời Trần theo các vấn đề thể giới quan, nhân sinh quan, bản thể luận, nhận thức luận, giải thoát luận... Tuy nhiên, khi nghiên cứu theo hướng này có tác giả đã đi đến kết luận: Không thể đơn giản đánh giá quan niệm về “Bản thể” là duy vật hay duy tâm được, bởi vì nó không phải là vật chất mà cũng không phải là tinh thần... không thể lấy ngôn ngữ, đặc biệt là ngôn ngữ của triết học phương Tây để đánh giá quan niệm bản thể này.

Trước tình hình nghiên cứu trên đây, tác giả luận án nhận thấy rằng nghiên cứu về Phật giáo nói chung và Thiền học đời Trần nói riêng không phải là điều dễ dàng. Vì sao vẫn có những quan điểm khác nhau, thậm chí là đối lập nhau khi đưa ra các nhận định về Phật giáo đời Trần và tư tưởng Thiền học đời Trần? Vì vậy, dù đây là một đề tài đã được rất nhiều nhà khoa học quan tâm, nghiên cứu, luận giải nhưng chủ đề này vẫn có sức hấp dẫn đối với các nhà nghiên cứu trong giai đoạn hiện nay.

Với mong muốn được tham gia vào lĩnh vực nghiên cứu này và có thể tham gia được một vài ý kiến nhỏ trong lý giải hiện tượng Phật giáo đời Trần, Thiền học đời Trần trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, tác giả luận án lựa chọn đề tài: ***“Tư tưởng Thiền học đời Trần và giá trị của nó đối với xã hội đương thời”*** làm nội dung luận án tiến sĩ Triết học của mình.

2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án

- **Mục đích:** Trên cơ sở lý luận của Thiền học nói chung, nghiên cứu làm rõ những cơ sở cho sự ra đời, tồn tại và phát triển của tư tưởng Thiền học đời Trần; những tư tưởng cơ bản của Thiền học đời Trần; giá trị của tư tưởng Thiền học đời Trần đối với xã hội đương thời.

- **Nhiệm vụ:** trên cơ sở mục đích được xác định nêu trên, nhiệm vụ của luận án là:

+ Phân tích những cơ sở kinh tế, chính trị, xã hội, cơ sở tư tưởng và cơ sở từ các nhân tố chủ quan cho sự ra đời, tồn tại và phát triển của tư tưởng Thiền học đời Trần.

+ Làm rõ nội dung những tư tưởng cơ bản của Thiền học đời Trần.

+ Làm rõ giá trị của tư tưởng Thiền học đời Trần đối với xã hội đương thời.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

- **Đối tượng nghiên cứu:** Tư tưởng Thiền học đời Trần là một nội dung rất rộng, tuy nhiên do thiền học đời Trần thuộc phái Thiền tông và Thiền tông còn được gọi là Phật Tâm tông, tông phái lấy nghiên cứu bản nguyên tâm

tính của chúng sinh làm đối tượng nghiên cứu chủ yếu. Vì vậy, để tìm hiểu về thiền học đời Trần, trong luận án này tác giả tập trung nghiên cứu các nội dung: Tư tưởng về Tâm; Tư tưởng giải thoát tâm; Tư tưởng về con đường giải thoát Tâm.

- **Phạm vi nghiên cứu:** Luận án nghiên cứu tư tưởng thiền học của các nhà Thiền học đời Trần qua năm tác giả: Trần Thái Tông, Tuệ Trung thượng sĩ, Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang. Cơ sở nghiên cứu tư tưởng Thiền học đời Trần dựa trên tác phẩm Thơ văn Lý – Trần, tập 2, quyển thượng, nhà xuất bản Khoa học xã hội phát hành năm 1988, do Nguyễn Huệ Chi làm chủ biên.

- **Thời gian nghiên cứu:** Nghiên cứu tư tưởng của Thiền học đời Trần và giá trị của nó đối với xã hội đương thời giai đoạn 1225-1400.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

- Về cơ sở lý luận: Luận án dựa trên quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo và vai trò của tôn giáo đối với đời sống xã hội. Phương pháp tiếp cận Lịch sử triết học.

4.2. Phương pháp nghiên cứu: Để triển khai nội dung luận án, tác giả luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phân tích - tổng hợp, lịch sử - logic, phương pháp thống kê, phương pháp thu thập thông tin, phương pháp chuyên gia, phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp liên ngành:

5. Đóng góp mới của luận án

- Luận án hệ thống hóa tư tưởng Thiền học đời Trần theo trục logic: tư tưởng về tâm, giải thoát tâm và con đường giải thoát tâm.

- Luận án hệ thống hóa tư tưởng của các nhà Thiền học đời Trần qua năm tác giả Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng sĩ, Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang. Có sự phân tích những đặc điểm chung, những đặc điểm khác biệt trong tư tưởng của từng nhà thiền học, có sự đối chiếu, so sánh, chỉ ra sự kế thừa và phát triển tư tưởng giữa các nhà thiền học.

- Luận án đưa ra kết luận chung về giá trị của tư tưởng Thiền học đời Trần đối với xã hội đương thời ở nhận định: Thiền học đời Trần là hệ thống lý luận sâu sắc và hoàn chỉnh về tâm của con người ở các góc độ bản thể luận, nhận thức luận, đạo đức học và tâm lý học. Hệ thống lý luận này được vận dụng và triển khai vào những mặt quan trọng của đời sống xã hội như lĩnh vực quản lý xã hội, lĩnh vực xây dựng nền đạo đức xã hội và lĩnh vực đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc. Vì vậy, Thiền học đời Trần nói riêng và Phật giáo đời Trần nói chung đã trở thành hệ tư tưởng chủ đạo, dẫn dắt toàn

xã hội trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, tạo nên những nét đặc sắc của triều đại nhà Trần và Phật giáo đời Trần.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- Luận án góp phần làm sáng tỏ nội dung lý luận của tư tưởng Thiền học đời Trần thông qua việc khảo sát tư tưởng thiền của các tác giả Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thụ, Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang.

- Luận án góp phần lý giải vị trí, vai trò và những đóng góp của tư tưởng Thiền học đời Trần đối với xã hội đương thời. Thông qua những luận giải về giá trị của tư tưởng Thiền học đời Trần có thể vận dụng những giá trị này vào trong việc xây dựng quan điểm và phong cách lãnh đạo của các nhà lãnh đạo, xây dựng nền đạo đức xã hội và đấu tranh chống lại các ý định xâm phạm chủ quyền lãnh thổ Việt Nam hiện nay.

- Luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy lịch sử tư tưởng Việt Nam.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án gồm 4 chương, 13 tiết.

Chương 1 **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU** **CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI**

1.1. Những nghiên cứu về cơ sở hình thành tư tưởng Thiền học đời Trần

Phân tích cơ sở hình thành tư tưởng Thiền học đời Trần, các tác giả đã phân tích một cách xác đáng, đầy đủ, sâu sắc các yếu tố liên quan đến sự ra đời của Phật giáo đời Trần, tư tưởng Thiền học đời Trần trên các phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và vai trò của cá nhân các vị thiền sư. Các phân tích, luận giải đều có tính thuyết phục.

Các tác giả kết luận: Phật giáo đảm nhiệm được vai trò thống nhất về kinh tế, chính trị, tư tưởng... kêu gọi được đoàn kết toàn dân, phục vụ công cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm

1.2. Những nghiên cứu về nội dung tư tưởng của Phật giáo đời Trần, Thiền học đời Trần

Tư tưởng thiền của Phật giáo đời Trần được tiếp cận từ nhiều góc độ: triết học, sử học, thiền học với nhiều lát cắt khác nhau. Trong đó tiếp cận từ góc độ triết học nghiên cứu tư tưởng thiền của Phật giáo đời Trần theo các vấn đề thế giới quan, nhân sinh quan, bản thể luận, nhận thức luận, đạo đức học, giải thoát luận,... Tiếp cận từ góc độ sử học, tư tưởng Thiền học đời

Trần được nghiên cứu ở các nội dung tác giả, tác phẩm, quá trình truyền thừa, xác định tính chất thiền, tông phái thiền trong tư tưởng của từng tác giả. Tiếp cận từ góc độ thiền học nghiên cứu các vấn đề Không, Tâm, Biện tâm, phá chấp, nhập thế...

Nghiên cứu các vấn đề này, phần lớn các tác giả đã chỉ ra các đặc điểm của Phật giáo đời Trần là: thế giới quan duy vật, vô thần, biện chứng; Phật giáo hướng nội, biện tâm, phá chấp, nhập thế, bình đẳng, yêu nước, nhân bản... Đây là những khẳng định về giá trị tư tưởng, giá trị triết học, giá trị tinh thần của Phật giáo đời Trần.

1.3. Những nghiên cứu về giá trị và ảnh hưởng của Phật giáo đời Trần, Thiền học đời Trần đối với đời sống xã hội đương thời

Khi nghiên cứu về vai trò của Phật giáo đời Trần đối với xã hội đương, các nhà nghiên cứu đã đi đến các kết luận sau:

Phật giáo đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là vấn đề đoàn kết dân tộc, được các tác giả phân tích, luận giải một cách khá chi tiết, đầy đủ và sâu sắc. Từ các cơ sở tư tưởng của Phật giáo đời Trần như: lấy dân làm gốc; thân dân; tinh thần từ, bi, hỉ, xả, vô ngã vị tha; Tư tưởng làm trai phải có chí quyết trả nợ tang bồng; tinh thần bình đẳng tuyệt đối; tư tưởng truyền thống ái quốc; thập thiện; đoàn kết là sức mạnh; tư tưởng đức trị... các tác giả đã lý giải về hành động của các ông vua, thiền sư đời Trần với vai trò quản lý xã hội đã hiện thực hóa các giáo lý nhà Phật vào trong đường lối trị nước, qua đó đã kêu gọi được tinh thần yêu nước, cố kết cộng đồng, phát huy tinh thần đoàn kết toàn dân vào trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các tác giả đi đến kết luận là, dân tộc Việt Nam đã tìm thấy được ở Phật giáo một hệ tư tưởng mới, tiến bộ có thể dùng để đối trị tư tưởng khổng giáo vốn là chỗ dựa tinh thần của nền đô hộ Trung Hoa đối với Việt Nam. Phật giáo luôn luôn thể hiện tinh thần bao dung, hòa bình. Với tinh thần bình đẳng tuyệt đối, đạo Phật đã tạo cơ sở cho sự đoàn kết toàn dân ngay những buổi đầu dựng nước. Các nhận định trên đây là những kết luận sâu sắc của các nhà nghiên cứu về ảnh hưởng của Phật giáo thời Trần đối với xã hội đương thời.

Tiểu kết chương 1

Trên cơ sở tìm hiểu tình nghiên cứu của các tác giả đi trước nghiên cứu về đề tài nêu trên, tác giả luận án chọn hướng nghiên cứu của mình là:

Một là, nghiên cứu cơ sở hình thành tư tưởng Thiền học đời Trần. Phân tích, luận giải mối liên quan giữa các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, các tiền đề tư tưởng và các nhân tố chủ quan đến sự hình thành nội dung tư tưởng của Thiền học đời Trần. Qua đó tìm ra những đặc điểm quy

định về vai trò chủ đạo của Phật giáo đời Trần hay tư tưởng Thiền học đời Trần trong xã hội đương thời.

Hai là, về nội dung tư tưởng Thiền học đời Trần. Nghiên cứu tư tưởng của Thiền học đời Trần theo logic làm rõ các vấn đề lý luận về phạm trù “Tâm” ở các nội dung: Tư tưởng về tâm, tư tưởng giải thoát tâm và tư tưởng về con đường giải thoát tâm.

Nghiên cứu tư tưởng thiền học thời Trần theo lôgic nêu trên, tác giả luận án đưa ra các kiến giải về sự tác động của tư tưởng Thiền học đời Trần tới xã hội đương thời căn cứ từ việc triển khai tư tưởng về “Tâm” vào các hoạt động xã hội. Phải chăng chính vì hoạt động của “tâm” được các thiền sư đời Trần nghiên cứu, luận giải một cách sâu sắc ở các góc độ nhận thức, tâm lý, đạo đức và cái Tâm đó được triển khai sâu rộng trên tất cả các hoạt động của xã hội đời Trần đã tạo nên nét đặc sắc riêng có của Phật giáo đời Trần và triều đại nhà Trần?

Ba là, tác giả phân tích giá trị của những tư tưởng về Tâm trong Thiền học đời Trần tới các hoạt động quản lý xã hội, xây dựng nền đạo đức xã hội và đấu tranh chống giặc ngoại xâm là ba lĩnh vực chủ yếu phản ánh những đặc điểm cơ bản của xã hội đời Trần, chịu sự định hướng và điều chỉnh của hàng ngũ những nhà cầm quyền là các ông vua, tầng lớp quý tộc Trần vừa là các nhà thiền sư, các nhà thiền học, Phật hoàng với tư tưởng của họ, để đưa ra những kết luận khái quát nhất về vai trò của Thiền học đời Trần đối với xã hội đương thời.

Chương 2

CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG THIỀN HỌC ĐỜI TRẦN

2.1. Điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội cho sự ra đời tư tưởng thiền học đời Trần

Về kinh tế, chính sách ruộng đất đối với nhà chùa đã tác động rất lớn đến sự phát triển của Phật giáo ở đời Trần. Từ chính sách này, dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử đã xây dựng các cơ sở thờ tự, thiền viện theo chế độ Tùng lâm, là hình thức sinh hoạt của tông phái Thiền tông. Trong nhà chùa với phần đất đai của mình các thiền sư tự mình lao động, sản xuất tạo ra của cải để duy trì sinh hoạt của nhà chùa, hoạt động của nhà chùa không còn phụ thuộc vào sự cúng dường của Phật tử. Qua đó hình thành không khí lành mạnh trong sinh hoạt tại tăng đường và cũng nhờ đó mà tinh thần nhập thế trong tư tưởng của Thiền tông nói chung đã được xây dựng và phát triển mạnh mẽ trong tư tưởng của Thiền học đời Trần. Các thiền sư không chỉ tụng kinh, gõ mõ, thực hành giới luật mà tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội.

Xét về mặt chính trị, xã hội các chính sách và pháp luật nhà Trần ủng hộ chủ trương phân biệt đẳng cấp, duy trì và củng cố nhà nước trung ương tập quyền bảo vệ sự thống trị của triều đại nhà Trần, thừa nhận sự bất bình đẳng trong xã hội đặc biệt là với các tầng lớp nông nô, nô tỳ và gia đồng. Các chính sách khắc nghiệt này đã tạo ra các mâu thuẫn trong xã hội: mâu thuẫn giữa tầng lớp quý tộc Trần với các tầng lớp dưới, mâu thuẫn trong tư tưởng của từng nhà lãnh đạo giữa một bên là bảo vệ vương triều với một bên là vấn đề nhân tâm trong quản lý xã hội. Bởi vậy, các ông vua, tầng lớp quý tộc Trần với vai trò là các thiền sư đã sáng tác ra các tác phẩm thiền học, phản ánh trong đó tư tưởng về một xã hội bình đẳng, không có sự phân biệt giàu sang, nghèo hèn, không phân biệt nghề nghiệp, xuất thân... Do đó trong tư tưởng của Thiền học đời Trần đã nêu cao tinh thần: Mọi người đều bình đẳng và đều có Phật tính, yêu cầu phá bỏ lối tư duy phân biệt, nhị kiến, kén chọn mà theo họ đây là nguyên nhân gây ra sự bất bình đẳng trong xã hội.

Xét về điều kiện đặc thù là công cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, cho thấy các ông vua triều Trần đều là các tướng trực tiếp cầm quân đánh giặc, họ tham gia sát sinh với ý nghĩa đấu tranh để bảo vệ nền độc lập dân tộc. Với tư cách là các thiền học họ giải quyết vấn đề này như thế nào trong tư tưởng Thiền? Nội dung này đã được phản ánh trong tư tưởng phá chấp triệt để, tinh thần yêu cầu con người hành động phải tùy duyên, tùy nghi, hợp thời, đúng lúc trong tư tưởng của Thiền học đời Trần. Tư tưởng này cho thấy tinh thần phá chấp không chỉ dừng lại ở mức độ phủ nhận kinh sách, phủ nhận giáo lý, phủ nhận giới luật của Thiền ông nói chung mà còn phá chấp theo tinh thần phá giới. Trong điều kiện nước mất, nhà tan người Phật tử phải hành động hợp thời, đúng lúc, chấp nhận sát sinh để cứu quốc gia, dân tộc. Hành động sát sinh này hoàn toàn vẫn đảm bảo các quy phạm của đạo thiền.

2.2. Tiền đề tư tưởng cho sự ra đời tư tưởng thiền học đời Trần

Một là, Tư tưởng thiền học đời Trần là sự kế thừa, phát triển tư tưởng thiền học của các phái Tinidaluruchi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường thời Lý.

Thiền phái Tinidaluruchi bắt nguồn từ tư tưởng Bát Nhã, Tam Luận và Hoa Nghiêm, có khuynh hướng thiên về Mật giáo, theo tinh thần bất lập văn tự nhưng vẫn chú trọng nghiên cứu kinh, luận. Chủ trương thực tại không hữu, không vô, chú trọng truyền thừa bằng tâm ấn, có khuynh hướng nhập thế và sử dụng các học thuyết sấm vĩ. Thiền phái này hầu như chỉ chịu ảnh hưởng của Phật giáo Ấn Độ mà ít chịu ảnh hưởng của Phật giáo Trung Hoa.

Trong tư tưởng của phái Vô Ngôn Thông, vấn đề giác ngộ, giải thoát bằng nhận thức trực giác được đẩy mạnh và trở thành yếu tố cơ bản nhất để bảo đảm thành tựu trong tu hành. Nhấn mạnh thuyết Đốn ngộ, thiền phái này

cho rằng con người trong một giây lát có thể đạt được giác ngộ, mà không cần phải đi qua nhiều giai đoạn tiệm ngộ. Vì vậy, thiền phái này đề cao sự giác ngộ bằng trực giác, không quá chú trọng giác ngộ thông qua việc nghiên cứu kinh sách. Vô Ngôn Thông chịu ảnh hưởng Phật giáo Trung Hoa sâu đậm hơn thiền phái Tìniđaluruchi. Ảnh hưởng này thể hiện trong lối tổ chức tu viện, trong sử dụng thoại đầu và ở chỗ ảnh hưởng của Tịnh độ giáo.

Thiền phái Thảo Đường có đặc điểm cơ bản là chủ trương dung hợp giữa Nho giáo và Phật giáo, có khuynh hướng hoằng dương thiền học trong giới trí thức, đưa Nho giáo đến gần đạo Phật, đặc điểm này đã ảnh hưởng nhiều đến Phật giáo đời Trần ở Việt Nam.

Tư tưởng thiền học đời Trần là sự tích hợp ba trường phái thiền thời Lý, dựa trên cơ sở trụ cột là thiền nhưng thiền tông thời Trần không phải là thiền tọa đơn thuần, không chỉ tham cứu thoại đầu như khuynh hướng trội của Thiền tông Trung Hoa, mà bắt đầu hình thành khuynh hướng tích cực học tập kinh điển, nghiên cứu các bộ ngữ lục. Nét khác biệt cơ bản của Thiền học đời Trần so với ba trường phái trước là ở sự gạt bỏ ảnh hưởng của Mật tông trong hệ thống giáo lý và các hoạt động của người tu hành; con đường giải thoát được kết hợp cả hai phép đốn ngộ và tiệm ngộ; tinh thần phá chấp được triển khai triệt để; và nổi bật nhất là tinh thần nhập thế tích cực... Điều đó đem lại một khuynh hướng mới cho Phật giáo Việt Nam, hình thành những tư tưởng độc lập, không phụ thuộc vào bên ngoài.

2.3. Cơ sở từ nhân tố chủ quan - các nhà thiền học đời Trần

Thiền học đời Trần được hình thành và phát triển bởi các nhà thiền học tiêu biểu: Trần Thái Tông, Tuệ Trung thượng sĩ, Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang. Mỗi nhà thiền học nêu trên trong cuộc đời và sự nghiệp của mình đều ẩn chứa trong nó những yếu tố nhân duyên dẫn đến việc họ trở thành những người tu hành hay nhà thiền học. Các yếu tố chính trị như chế độ hôn nhân nội tộc, chế độ quân chủ chuyên chế, chế độ đẳng cấp hà khắc đã tác động tới tinh thần, ý thức, nhận thức và khuynh hướng đến với Phật giáo của Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ và Trần Nhân Tông. Mặt khác, vị trí của các thiền sư đời Trần quyết định vai trò của Phật giáo trong xã hội đời Trần. Điều căn cốt để Phật giáo đời Trần có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của xã hội là do các thiền sư nổi tiếng ở thời kỳ này đều là những người đứng đầu đất nước, nắm trọng trách quản lý và điều hành đất nước, nên họ có điều kiện để thực hành các giáo lý, tư tưởng thiền học của chính họ vào trong đường lối trị nước.

Tiểu kết chương 2

Sự ra đời của tư tưởng Thiền học đời Trần đời Trần đã phản ánh trong nó các đặc điểm, điều kiện của nền kinh tế, chính trị, xã hội và tư tưởng của xã hội đương thời.

Thứ nhất, các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội và tư tưởng đương thời đã xuất hiện những yếu tố quyết định đặc điểm và tính chất đặc trưng của tư tưởng Thiền học đời Trần.

Thừa nhận chế độ sở hữu đất đai đối với nhà chùa đã tác động rất lớn đến sự phát triển của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử. Mặt khác, về chính trị nhà Trần chủ trương ủng hộ chế độ đẳng cấp với sự thiết lập hệ thống các chính sách chặt chẽ trong quản lý xã hội làm nảy sinh mâu thuẫn trong tư tưởng của từng nhà lãnh đạo giữa một bên là bảo vệ vương triều với một bên là vấn đề nhân tâm trong quản lý xã hội. Do đó trong tư tưởng của Thiền học đời Trần đã nêu cao tinh thần: Mọi người đều bình đẳng và đều có Phật tính, yêu cầu phá bỏ lối tư duy phân biệt, nhị kiến, kén chọn mà theo họ đây là nguyên nhân gây ra sự bất bình đẳng trong xã hội.

Công cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm cho thấy các ông vua triều Trần đều là các tướng trực tiếp cầm quân đánh giặc, họ tham gia sát sinh với ý nghĩa đấu tranh để bảo vệ nền độc lập dân tộc. Với tư cách là các thiền học, các thiền sư đã xây dựng tư tưởng phá chấp triệt để, tư tưởng hành động phải tùy duyên, tùy nghi, hợp thời, đúng lúc. Tư tưởng này cho thấy tinh thần phá chấp không chỉ dừng lại ở mức độ phủ nhận kinh sách, phủ nhận giáo lý, phủ nhận giới luật của Thiền tông nói chung mà còn phá chấp theo tinh thần phá giới. Trong điều kiện nước mất, nhà tan người Phật tử phải hành động hợp thời, đúng lúc, chấp nhận sát sinh để cứu quốc gia, dân tộc. Hành động sát sinh này hoàn toàn vẫn đảm bảo các quy phạm của đạo thiền.

Thứ hai, nét khác biệt cơ bản của Thiền học đời Trần so với ba trường phái trước là ở sự gạt bỏ ảnh hưởng của Mật tông trong hệ thống giáo lý và các hoạt động của người tu hành; con đường giải thoát được kết hợp cả hai phép đốn ngộ và tiệm ngộ; tinh thần phá chấp được triển khai triệt để; và nổi bật nhất là tinh thần nhập thế tích cực... Điều đó đem lại một khuynh hướng mới cho Phật giáo Việt Nam, hình thành những tư tưởng độc lập, không phụ thuộc vào bên ngoài.

Thứ ba, sự ra đời của tư tưởng Thiền học đời Trần có vai trò quyết định từ các nhân tố chủ quan, từ chính thực tiễn cuộc đời, sự nghiệp, từ năng lực nhận thức, tư tưởng, và đời sống tình cảm của các ông vua, tầng lớp quý tộc Trần. Yếu tố tiên quyết cho sự phát huy vai trò của tư tưởng Thiền học trong xã hội đời Trần là do tầng lớp những người cầm quyền lại là những người sáng lập ra một tông phái Thiền. Ở vị trí đó, họ có đủ điều kiện và thẩm quyền để đưa những tư tưởng của mình vào trong lĩnh vực quản lý xã hội.

Những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng và các nhân tố chủ quan trên đây trên đây là nguồn gốc, là cơ sở quyết định nội dung tư tưởng Thiền học đời Trần.

Chương 3

TƯ TƯỞNG THIỀN HỌC ĐỜI TRẦN

3.1. Phạm trù tâm trong tư tưởng thiền học đời Trần

3.1.1. Nội hàm của khái niệm tâm trong Thiền tông

Trong luận án này, tác giả sử dụng khái niệm tâm như sau để triển khai nội dung luận án: Tâm là khái niệm dùng để chỉ bản thể của sự vật, hiện tượng, con người, là cái tâm chân thực, chẳng sinh, chẳng diệt, là tâm tự tính thanh tịnh, tâm Phật, là trạng thái tâm lý tự nhiên của con người. Tâm là suy nghĩ, tình cảm, tâm lý, tư tưởng, nhận thức, ý chí, ý thức... của chủ thể trong mối quan hệ với thế giới thực tại. Và Tâm là khởi nguồn của vạn pháp, là nguyên nhân sinh ra thế giới hiện tượng.

3.1.2. Bản chất của Tâm trong tư tưởng thiền học đời Trần

Trong tư tưởng của thiền học đời Trần, phạm trù Tâm là phạm trù trung tâm, nó đặc biệt được nhấn mạnh trong tư tưởng về bản thể. Thể hiện sự suy tư, trừu tượng trong tư duy về một bản nguyên đầu tiên, cội nguồn sinh ra thế giới các sự vật, hiện tượng.

Về bản thể của tâm,

Theo các thiền sư đời Trần, Bản thể của Tâm là “không”, bản chất của tâm là không. Tâm Không là cái tâm trong tĩnh, tĩnh lặng, bất động, không biến đổi, tức tinh thần, ý thức, nhận thức, tình cảm của con người ở trạng thái an nhiên, tự tại. Trạng thái này biểu hiện ở mỗi con người được gọi là bản tâm, chân tâm, Phật tính. Tâm không là thường trụ, là tự tính, là Như lai đồng thời cũng chính là Phật.

Theo tinh thần trung đạo, Tâm “không” theo vượt lên trên mọi đối đãi mâu thuẫn, về bản chất được diễn đạt qua bát bất: không sinh, không diệt, không đến, không đi, không thêm, không bớt, không trái, không phải. Nó tồn tại tự nó, không phụ thuộc vào bất cứ cái gì, bất cứ ai, bất cứ ở đâu, bất cứ điều kiện gì... con người và sự vật hiện tượng là biểu hiện của tâm.

Quan niệm của thiền học đời Trần cho thấy, tư tưởng về bản thể của tâm được các nhà thiền học đời Trần kế thừa từ học thuyết Trung Quán. Theo quan niệm này, không không phải là chỉ về sự trống rỗng mà là chỉ về sự tồn tại không có thực thể cố định của các sự vật hiện tượng.

Quan niệm về bản thể của tâm của các nhà thiền học đời Trần đã đạt tới trình độ tư duy ở tầm triết học. Các vấn đề về khởi nguồn của thế giới có tính chất bản thể luận dù là kết quả của sự kế thừa của các phái thiền trước đó, nhưng

không hoàn toàn chỉ là sự sao chép lại nguyên xi theo kiểu tầm chương, trích cú. Các nhà thiền học đời Trần đã tự mình sáng tác các tác phẩm thiền học, tư tưởng về bản thể của tâm đã được định nghĩa, luận giải tường tận và bổ sung thêm các khái niệm mới, khái niệm của người Việt. Các khái niệm chỉ bản thể của tâm bên cạnh các khái niệm chung của thiền tông, các thiền sư đời Trần đã xây dựng hệ khái niệm tương đương như “Lòng”, “Tỉnh sáng”, “Báu vật”, “Bát nhã thiện căn”, “Bồ đề giác tính”, “Bản lai diện mục”...

Về Nhận thức của tâm

Trên cơ sở lý luận về thiền học cơ bản, các thiền sư đời Trần đã luận giải các vấn đề về tâm thức của chủ thể ở hai luận điểm cơ bản: Tâm vô minh-nguồn gốc của sự nhận thức sai lầm về bản chất sự tồn tại của con người và cuộc đời con người; Tâm vô minh- nguồn gốc của sự hình thành tư duy phân biệt, nhị kiến, nguyên nhân của sự đau khổ của con người.

Nghiên cứu nhận thức của tâm được chia làm hai cấp độ : cấp độ nhận thức tục đế và cấp độ nhận thức chân đế. Ở cấp độ nhận thức tục đế của con người có đặc trưng là mang tính cảm tính, nhận thức dựa trên tư duy phân biệt thực tại thành các đối cực, hình thành thái độ chấp trước vào các thái cực, có hành vi phân biệt đối xử trong xử lý các quan hệ với thực tại. Cấp độ này còn được gọi là Tâm Vô minh, Vọng tâm.

Ở cấp độ này nhận thức chân đế con người đạt tới Vô thức, nhận thức được tính không của thực tại, khi đó tư duy và thực tại hòa nhập với nhau, viên mãn và giải thoát. Cấp độ này được gọi là Tâm không, Chân tâm

Về tâm lý của Tâm

Tâm thức của con người còn được các nhà thiền học đời Trần nghiên cứu dưới góc độ tâm lý bao gồm cảm xúc, ý chí và hành động. Trong tám cấp độ của tâm thức, thức thứ bảy mặtna thức là thức phản ánh trạng thái diễn biến tâm lý của con người.

Phật giáo đời Trần khi lý giải vấn đề tâm lý con người đã xuất phát từ lý thuyết về Tứ Diệu Đế của Phật giáo. Trong đó Khổ đế là cơ sở quan trọng nhất để phân tích về nhận thức và tâm lý của con người trong quan hệ với thực tại.

Theo các thiền sư đời Trần, sự đau khổ của con người xuất phát từ việc con người chấp vào *Ngã Mạn*, luôn coi mình là nhất, không coi ai ra gì, lấn lướt và khinh thường người khác. Tìm mọi cách để khẳng định sự hơn thua trong mọi lĩnh vực, trong mọi hoàn cảnh. Hệ quả của hành vi này dẫn đến sự gây thù, chuốc oán, hằn học, đố kỵ...đây chính là những hành động tạo nghiệp, khiến họ phải mãi chìm đắm trong vòng luân hồi. Sự đau khổ bất hạnh của con người vì thế mà không thể chấm dứt được.

Cái khổ do ái biệt ly xuất phát từ sự chấp vào *Ngã Ái*, là luôn luôn chấp ngã và sự mê thích ta và cái của ta. Chỉ biết nghĩ đến mình và những gì thuộc về mình. Thực tế sự hợp tan, tan hợp đều do nhân duyên tạo tác mà thành. Vì vậy, hiện tượng này đều có nguyên do của nó. Nên cần rèn luyện tâm để tâm không dao động, vọng động theo các hiện tượng của thực tại để khỏi lâm vào tình trạng ai oán, bi thương.

Cái khổ do sở cầu bất đắc gây ra. Xuất phát do chấp vào *Ngã sở*, chấp vào tư tưởng về cái của ta nên cái con người thích sẽ tìm mọi cách để biến nó thành cái của mình, loay hoay, trăn trở để có được mọi thứ để thỏa mãn dục vọng.

Tóm lại, tư tưởng về Tâm của thiền học đời Trần có các đặc trưng sau :

Về bản thể của tâm, bên cạnh việc sử dụng các khái niệm cơ bản của các thiền phái trước đó, thiền học đời Trần đã bổ sung thêm các khái niệm *Bản tính*, *Chân tâm*, *Bát nhã thiện căn*, *Bồ đề giác tính*, *Bản lai diện mục* nhấn mạnh yếu tố tính thiện. Gắn khái niệm tâm với các giá trị đạo đức. Khẳng định bản tâm của con người là mang tính thiện. Quan niệm này trở thành tiêu chí để người tu hành thực hiện trong quá trình đạt tới giải thoát, trở thành mục tiêu cũng như mở đường cho sự khai tâm trong con đường tu hành.

Thiền học đời Trần đã phân tích, lý giải một cách logic về cơ sở của quá trình hình thành tâm lý của con người ở các trạng thái nhận thức, cảm xúc, và hành động của con người ở cấp độ thông thường. Điều này cho thấy các thiền sư đời Trần thực sự am hiểu đời sống tâm lý, tình cảm của con người, thấy được nguyên do của sự đau khổ của cuộc đời con người, từ đó chỉ ra con đường giải thoát cho chúng sinh và quốc gia, dân tộc. Đây là cơ sở để các nhà thiền học đời Trần tiến hành việc thuyết giảng về Phật pháp trong nhân dân.

Thiền học đời Trần theo tinh thần của phái Duy thức, tuyệt đối hóa vai trò của Tâm. Lấy luận điểm Vạn pháp duy tâm, Nhất thiết duy tâm tạo làm cơ sở cho việc giải quyết mối quan hệ giữa tâm với thế giới thực tại. Vì vậy, mọi vấn đề trong hệ thống tư tưởng đều tập trung vào việc luận giải về tâm.

3.2. Tư tưởng giải thoát tâm

3.2.1. Giải thoát là quá trình nhận thức đúng về bản thể

Đối với các Thiền sư đời Trần thì quá trình thực hiện sự giải thoát đồng thời là quá trình trở về với bản thể, nhận rõ được chân tâm, thấy được tự tính để rồi hòa nhập vào cái bản thể siêu việt, vô vi, tịch mịch được các thiền sư đời Trần thể hiện dưới các khái niệm Như lai, Phật tính, Không, Bản thể, Bản lai diện mục, Tính... Quá trình đó còn được gọi là sự trở về quê hương.

Các thiền sư thời Trần khi quan niệm về giải thoát trước tiên hướng đến việc giải thoát từng cá nhân con người sống, giúp con người dứt bỏ mọi tham lam, dục vọng để quay trở về với bản chất vốn thanh tịnh, trong sạch của mình. Vấn đề giải thoát ở Phật giáo thời Trần còn có điểm khác biệt đáng kể

so với các phái thiên trước. Việc giải thoát không chỉ hướng đến giải quyết nhu cầu của từng cá nhân mà còn bị qui định bởi nhu cầu chung của toàn xã hội. Đó là giải thoát cho dân tộc ra khỏi những cuộc chiến tranh liên miên của giặc ngoại xâm. Vì thế, giải thoát theo quan niệm của các thiên học đời Trần không phải là thực hiện ở đâu đó ngoài thế giới mà ở ngay con người đang sống; không phải là đạt được ở cõi Tây Phương cực lạc của con người sau khi chết mà việc giải thoát có thể thực hiện ngay trong đời sống hiện thực, ngay trong bản thân mỗi con người.

3.3.2. Giải thoát là quá trình từ bỏ nhận thức phân biệt, nhị kiến

Vấn đề giải thoát còn được các thiên sư thời Trần cho rằng, mọi sự vật hiện tượng và con người đều bình đẳng, vạn vật là như nhau, không cao không thấp, không đẹp, không xấu, không thiện, không ác... Mọi người là bình đẳng và đều có Phật tính, mặc dù có tâm trạng, sở thích, căn cơ khác nhau. Nhưng trong cuộc sống do bị tham, sân, si chi phối do đó đã tự đem lại sự bất bình đẳng cho chính con người. Vì vậy để thiết lập lại sự bình đẳng cần phá bỏ quan niệm phân biệt ta - người, phải - trái, trong - đục, trước - sau, trên - dưới, trần tục - niết bàn, xấu - đẹp, lợi - hại...

Theo Trần Thái Tông muốn giải thoát thì điều cần thiết là phải từ bỏ được cái tâm sai biệt, cái *vọng niệm* vì đó là nguồn gốc sinh ra mọi sắc giả hợp. Mục đích cuối cùng của thiên định trong triết học của ông là thủ tiêu niệm, cũng tức là phải làm cho ý thức của con người ở vào trạng thái yên tĩnh tuyệt đối, khi đó trí tuệ bát nhã bừng sáng, con người trực giác được chân tâm tự tính.

Theo Tuệ Trung Thượng Sĩ, do *nhị kiến* mà sinh ra phân biệt sinh tử, mê ngộ, phàm thánh, sắc không... Do nhị kiến mà con người đâm ra chấp niệm, chấp tướng từ đó sinh ra những lầm lạc. Tuệ Trung cho rằng, sự vật, hiện tượng chỉ là sự vật, hiện tượng khi đặt trong quan hệ với cái tâm. Khi tâm động thì sự vật biến hiện. Tâm động sinh ra sự phân biệt vật động, thế giới xung quanh là do tâm sinh. Thực chất, Tuệ Trung đã đi theo khuynh hướng trung quán luận của Long Thọ, và khuynh hướng duy thức luận với quan điểm “Nhất thiết duy tâm đạo”. Bởi vậy, theo ông để giải thoát, để trở về với bản thể cần phải thủ tiêu nhị kiến.

Trần Nhân Tông cho rằng nguyên nhân dẫn đến con người ngày càng xa rời cái gốc vốn có của mình, theo ông, là bắt đầu từ cái tâm vô minh dẫn con người đến sự phân biệt kén chọn. Vì vậy muốn đạt tới trạng thái giải thoát, ông kêu gọi mọi người chớ có phân tán lòng mình, hãy dẹp bỏ loạn tâm mà quay trở về với cái tâm an nhiên, tự tại vốn có của mình.

Tóm lại, tư tưởng giải thoát của thiên học đời Trần có các đặc điểm sau:

Thứ nhất, giải thoát là quá trình nhận thức đúng về bản thể. Như vậy, các thiền sư thời Trần khi quan niệm về giải thoát trước tiên hướng đến việc giải thoát từng cá nhân con người sống, giúp con người dứt bỏ mọi tham lam, dục vọng để quay trở về với bản chất vốn thanh tịnh, trong sạch của mình.

Thứ hai, giải thoát được thực hiện ngay trong cuộc sống hiện tại. Vấn đề giải thoát ở Phật giáo thời Trần có điểm khác biệt đáng kể so với các phái thiền trước. Việc giải thoát không chỉ hướng đến giải quyết nhu cầu của từng cá nhân mà còn bị qui định bởi nhu cầu chung của toàn xã hội. Đó là giải thoát cho dân tộc ra khỏi những cuộc chiến tranh liên miên của giặc ngoại xâm. Vì thế, giải thoát theo quan niệm của các thiền sư đời Trần không phải là thực hiện ở đâu đó ngoài thế giới mà ở ngay con người đang sống; không phải là đạt được ở cõi Tây Phương cực lạc của con người sau khi chết mà việc giải thoát có thể thực hiện ngay trong đời sống hiện thực, ngay trong bản thân mỗi con người.

Thứ ba, tư tưởng về giải thoát có giá trị như một học thuyết về lý luận nhận thức và tâm lý học. Hoạt động của tâm thức được phân tích, luận giải chỉ ra nguồn gốc nhận thức, cơ sở nhận thức của con người xuất phát từ sự phân đôi thế giới thành hai thái cực đối lập hình thành nhận thức lưỡng nguyên về thực tại. Từ nhận thức lưỡng nguyên về thực tại con người hình thành các hành vi phân biệt đối xử trong giải quyết các mối quan hệ và nảy sinh các vấn đề về tâm lý, nhận thức... Chuỗi tâm lý được lý giải, có tính thuyết phục và tạo cho con người niềm tin vào khả năng tự giải thoát khỏi luân hồi, đau khổ, bất hạnh bằng việc tu tâm, rèn luyện tâm.

3.3. Tư tưởng về con đường giải thoát tâm

3.3.1. Con đường giải thoát kết hợp giữa đốn ngộ và tiệm ngộ

Thiền học đời Trần khẳng định, để đạt tới giải thoát cần phải giữ giới, tu định và nhập thiền. Trần Thái Tông cho rằng, đi, đứng, nằm, ngồi, đều có thể tu định, nhưng ông còn chú trọng cả phương pháp niệm Phật của phái Tịnh Độ, bởi đây là phương pháp dễ tu, dễ học. Đây là hình thức giải thoát bằng con đường tiệm ngộ, qua quá trình tu tập lâu dài con người có thể đạt tới giải thoát. Hình thức tu này phù hợp với đa số người dân có mong muốn tu dưỡng theo Phật, không đòi hỏi tập trung trí tuệ, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân lao động.

Tuy nhiên, thiền học đời Trần chú trọng nhiều hơn tới con đường giải thoát bằng *Đốn ngộ*. Đốn ngộ là con đường giải thoát không thông qua phương tiện ngôn ngữ văn tự hay suy luận tư biện mà bằng trực giác. Đốn ngộ không bao hàm ý nghĩa về mặt thời gian mà ý nghĩa của nó là ở tính trực tiếp, ngay thức khắc, tức chủ trương con người có thể đạt tới giác ngộ bằng trực giác. Theo phương pháp này, người tu hành có nhiều cách tu tập đa dạng

hơn, nhưng đòi hỏi phải có sự tập trung trí tuệ cao siêu, tích cực học tập kinh điển, tham vấn thoại đầu...Thiền đốn ngộ phù hợp với những người có căn cơ, trí tuệ, tư duy trình độ nhận thức ở tầm bác học.

3.3.2. Con đường giải thoát bằng phương pháp phá chấp

Tuệ Trung Thượng sĩ là nhà thiền học xuất sắc trong làng thiền Việt Nam. Trong tu tưởng về con đường giải thoát, ta bắt gặp một phong cách phóng khoáng trong phương pháp tu hành. Xuất phát điểm của ông là thế giới sự vật hiện tượng là kết quả tạo tác của dòng nhận thức, là do tâm vô minh mà xuất hiện sự phân biệt nhị kiến, từ nhị kiến mà sinh ra sự phân biệt sinh tử, phàm thánh, mê ngộ, sắc không. Ranh giới phân biệt là nguồn gốc của mọi sự mê lầm, là giây trói buộc con người trong vòng sinh tử. Do nhị kiến mà con người đâm ra chấp niệm, chấp tướng từ đó sinh ra lầm lạc... Vì vậy ông cho rằng, để giải thoát cần phải diệt nhị kiến để đạt tới cái tâm vô tướng, vô trụ và vô niệm. Để diệt nhị kiến ông đưa ra phương pháp phá chấp vào biên kiến, giúp người tu hành thoát ly khỏi ngục tù của khái niệm. Để diệt nhị kiến, Thượng sĩ đã đưa ra phương pháp phá chấp vào biên kiến.

Trần Nhân Tông cho rằng, mỗi một con người đều có tính Phật và sẽ trở thành Phật. Với những người đã giác ngộ thì chẳng còn Tính với Phật, Pháp với Tâm. Khi đạt đến quả vị Phật thì sẽ không đến vị Phật nào cả, bởi vì Phật cũng chỉ là danh hiệu. Đạt đến cái tâm Phật cũng tức là đạt tới cái vô niệm, vô tâm. Qua đây ta thấy Phật, Tâm, Pháp, Tính cũng chỉ là phương tiện, vấn đề là ở sự chứng ngộ. Đây là tư tưởng phá chấp triệt để của Trần Nhân Tông nói riêng cũng như đối với Thiền tông nói chung.

3.3.3. Con đường giải thoát bằng phương pháp nhập thế

Người tu hành cần phải dẫn thân vào cuộc đời, sống trong cuộc đời, tham gia vào mọi hoạt động xã hội nhưng vẫn đảm bảo tinh thần của đạo thiền, tìm giác ngộ là tìm ngay trong đời sống hiện thực. Người tu hành với tinh thần nhập thế, sống trong cuộc đời, thực hiện hành đạo trong chính cuộc đời thì không thể dứt bỏ mình ra khỏi các điều kiện của các hoạt động xã hội, cách sống của người đạt đạo là giải quyết các quan hệ với xã hội trên tinh thần của đạo Phật. Vì vậy, trong lúc đất nước lâm nguy, quân thù đang giày xéo quê hương, đất nước, toàn dân đang trên dưới một lòng đánh đuổi kẻ thù, thì các nhà sư không thể khoanh tay đứng nhìn mà cũng phải lên ngựa cầm quân đuổi giặc. Phải chăng đây là sự triển khai tinh thần phá chấp triệt để của tinh thần, tư tưởng thiền học đời Trần.

Tóm lại, tư tưởng về con đường giải thoát của thiền học đời Trần có các đặc điểm sau:

Triết lý nhập thế của thiền học đời Trần mang tính đại chúng. Nhập thế không chỉ là hành vi của từng cá nhân trong con đường tu hành mà là nhập thế vì quê hương, quốc gia, dân tộc.

Các thiền sư đời Trần giải quyết vấn đề giải thoát và con đường giải thoát, ta thấy ở họ bộc lộ rõ nét tư tưởng của những nhà duy tâm chủ quan. Họ cho mọi sự vật, hiện tượng trong vũ trụ tuy là có thật nhưng đều dựa vào hoạt động của tâm thức mà duy trì tồn tại. Theo họ bằng một sự tu tập nào đó có thể chấm dứt được dòng tâm thức, làm cho tâm thức trở thành không rỗng, đạt tới cảnh giới mà thiền gọi là vô niệm, tức là không có niệm, không có tưởng, không có tâm thức phân biệt thì các pháp, sự vật, hiện tượng, sẽ mất chỗ dựa, không trụ được, không thành lập được. Lúc ấy cảnh giới thực tạo mới hiển hiện, trí tuệ siêu việt mới chói sáng. Thiền giả lúc ấy mới giác ngộ và giải thoát. Như vậy, xuất phát điểm của họ là sự phân tích nỗi khổ của con người thuần túy về mặt tâm sinh lý, vì vậy mà phương pháp thoát khổ, vượt qua khổ của họ cũng mang nặng tính chất tâm lý. Họ không hướng vào hiện thực để cải tạo hiện thực, mà chỉ chú trọng đến việc cải tạo cái tâm để đạt tới giải thoát, đó là một quan điểm hoàn toàn duy tâm.

Tiểu kết chương 3

Tư tưởng Thiền học đời Trần về cơ bản được tập trung trong hệ thống lý luận về Tâm. Qua phân tích, luận giải tư tưởng của trường phái này có thể thấy lý luận của các nhà thiền học cơ một số nét cơ bản sau:

1. Tư tưởng về Tâm nhìn chung trung thành với những tư tưởng của phái Thiền tông ở các vấn đề lớn như: thừa nhận tính Không trong bản thể của Tâm, theo khuynh hướng Duy thức trong lý giải mối quan hệ giữa tâm với thế giới hiện tượng với luận điểm Nhất thiết duy tâm tạo, phủ nhận vai trò của ngôn ngữ, văn tự và kinh sách trong con đường tu hành. Đề cao tinh thần giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự bởi thấy rõ được sự hạn chế của ngôn ngữ trong biểu đạt về thế giới hiện tượng, con người.

Ở cấp độ nhận thức tục đế, tư tưởng về tâm được nhấn mạnh ở góc độ đạo đức học. Tâm của chủ thể dù còn nhận thức bằng khái niệm, ngôn ngữ, còn có sự phân biệt đối đãi lành dữ, thiện ác, phải trái, trong đục, lợi hại, sang hèn, giàu nghèo, hạnh phúc đau khổ...nhưng các tư tưởng về giới học, về thập thiện, về con đường giải thoát đã trở thành cơ sở cho sự khai tâm của con người trong quá trình tu hành. Để khai mở đạo tâm, bước đầu con người phải làm các việc thiện, vì vậy, dù có đạt tới giải thoát ở cấp độ chân đế hay không thì trong từng bước đi, con người đều được định hướng đến các hành động thiện theo các giá trị, chuẩn mực đạo đức của Phật giáo qua nội dung của các giáo lý từ, bi, hỷ, xả; ngũ giới; thập thiện.

Lý luận về Tâm có giá trị như một học thuyết lý luận về nhận thức và lý luận về tâm lý của ý thức con người. Trên cơ sở đó các nhà thiền học đời Trần thấu hiểu vấn đề nhân tâm, thấu hiểu lòng người nên ở họ chứa đựng tinh thần bao dung, độ lượng, bao chứa nhân sinh trong tấm lòng của họ. Vì vậy, với cương vị là những người lãnh đạo đất nước, tư tưởng của họ đã có những ảnh hưởng tới lĩnh vực quản lý xã hội, xây dựng nền đạo đức xã hội và đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

2. Tư tưởng giải thoát tâm cơ bản hướng đến giải thoát chính cái tâm của con người. Hệ thống lý luận này thể hiện tư duy biện chứng của các nhà Thiền học đời Trần trong nhận thức về sự tồn tại của thế giới, kiến giải sâu sắc nguồn gốc nhận thức xuất phát từ sự phân đôi thế giới, phân tích tác động của nguyên nhân này đến đời sống tâm lý và biểu hiện các hành vi trong hoạt động con người rất xác đáng. Phản ánh đúng thực tế đời sống tâm lý, tình cảm con người trong hiện thực.

Trên cơ sở đó, phân tích tác động của tư duy nhị nguyên, phân biệt về các thái cực đối lập của thế giới tới đời sống tình cảm, nhận thức, tâm lý và hệ quả của lối tư duy đó tới sự hình thành các hành vi, hoạt động của con người để chỉ ra con đường, cách thức giải thoát bằng việc tu tâm.

3. Tư tưởng về con đường giải thoát tâm, Thiền học đời Trần đã đem lại cách lý giải thuyết phục trong quan niệm về con đường giải thoát. Khẳng định niềm tin cho con người về khả năng tất cả mọi người đều có thể thành Phật.

Để giải thoát, Thiền học đời Trần đã kết hợp cả hai phương pháp cơ bản là tiệm ngộ và đốn ngộ. Thông thường Thiền tông đề cao đốn ngộ, nhưng thiền học đời Trần cho rằng nếu chỉ bằng con đường đốn ngộ thì rất ít người có thể tu tâm do giải thoát bằng phương pháp này đòi hỏi người tu hành phải có trí tuệ, hiểu biết sâu sắc Phật pháp. Nên để cho mọi người dân đều có thể tu hành, thiền học đời Trần còn đề cao con đường tiệm ngộ, bằng những pháp tu đơn giản tụng kinh, niệm Phật, gõ mõ nhưng người có căn cơ phù hợp có thể sử dụng phương pháp tu đơn giản, dễ nhớ, dễ học này để tu hành. Do đó, con đường giải thoát của thiền học đời Trần rất phong phú, đa dạng, phù hợp với căn cơ của tất cả chúng sinh nên mức độ và phạm vi ảnh hưởng của nó trong xã hội đời Trần là rất sâu rộng.

Nét nổi bật nhất của Thiền học đời Trần trong tư tưởng về con đường giải thoát là tinh nhập thế tích cực. Thiền tông Trung Hoa cũng đề cao nhập thế nhưng nhập thế đó chỉ giới hạn trong việc gánh gạo, bở củi, lao động sản xuất trong các thiền tự theo chế độ tùng lâm. Nhập thế trong thiền học đời Trần là hoạt động của người tu thiền diễn ra trong chính đời sống hiện thực không phân biệt xuất gia, tại gia hay người dân thường. Bất cứ ai

cũng đều có thể thực hành thiền trong bất cứ điều kiện, hoàn cảnh, không gian, thời gian nào. Thậm chí đánh giấc cũng thiền. Đây là sự độc đáo làm cho Thiền học đời Trần không cao siêu, không xa lạ, mà thâm thấu rộng rãi vào trong dân chúng.

Chương 4

GIÁ TRỊ CỦA THIỀN HỌC ĐỜI TRẦN ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG XÃ HỘI ĐƯƠNG THỜI

4.1. Giá trị tư tưởng về Tâm trong quản lý xã hội

4.1.1. Tư tưởng Phật tại tâm – cơ sở hình thành triết lý bình đẳng đặt nền móng cho việc xây dựng các tư tưởng trong quản lý xã hội

Xuất phát từ sự ảnh hưởng của tư tưởng Phật tại tâm của thiền học, các ông vua, tầng lớp quý tộc Trần đã xây dựng chính quyền quân chủ thân dân.

Theo tinh thần Phật tại tâm, các nhà quản lý xã hội đã lấy tâm chúng sinh làm tâm của mình, thấu hiểu tâm lý của người dân, đặt họ trong những điều kiện khách quan của xã hội cũng như của từng người dân, các ông vua, tầng lớp quý tộc Trần đã biết tiến, biết lui, biết dựa vào sức của dân để ra các quyết sách quản lý. Điều này được thể hiện rõ nét trong việc đưa ra nhiều chủ trương, chính sách thu phục được lòng dân như: Khoan thư sức dân, Lòng dân không chia, Cả nước góp sức.

Những chủ trương chính sách này đã biểu thị sự quan tâm của nhà nước đối với sản xuất và đời sống của nhân dân, vì vậy việc kêu gọi toàn dân đoàn kết chống giặc ngoại xâm, nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của nhân dân. Thêm vào đó việc tổ chức các hội nghị Bình Than, hội nghị Diên Hồng, lấy ý kiến của nhân dân về việc chống giặc thể hiện rõ tinh thần tôn trọng nhân dân của triều đại nhà Trần, tạo nên khí thế hào hùng của dân tộc, trên dưới một lòng, cùng nhau đánh giặc.

4.1.2. Tư tưởng Phật tại tâm – cơ sở cho việc phát triển đạo Phật trong xã hội đời Trần

Nhờ có sự hoằng dương Phật pháp tích cực của các nhà thiền học và các nhà sư đời Trần mà các ngôi chùa đã phát huy được chức năng tôn giáo và chức năng giáo dục trong xã hội đời Trần. Các ngôi chùa trở thành nơi thờ tự linh thiêng, người dân đến chùa với tấm lòng thành kính, tôn nghiêm, lễ Phật, trọng tăng. Người dân đến với nhà chùa để gửi gắm ước nguyện về sự bình an, hạnh phúc... Với hệ thống chùa dày đặc, mọi người dân trong xã hội đều được tham gia vào các sinh hoạt tôn giáo, người dân có niềm tin về một đấng linh thiêng trở nên thuần hậu, nhân ái, bỏ ác, làm thiện, giáo lý Phật giáo dần đi vào cuộc sống, góp phần ổn định trật tự xã hội. Trong giáo dục Phật giáo được coi như là một môn học trở thành nội dung cho việc dạy chữ, truyền thụ tri thức, dạy làm người. Phật giáo trở thành môn thi trong tam giáo.

4.2. Giá trị của tư tưởng giải thoát tâm trong xây dựng nền đạo đức xã hội

Thiền học đời Trần xuất phát từ nguyên lý Phật tại tâm đã khẳng định cho con người niềm tin vào sức mạnh của bản thân con người, khẳng định con người có thể tự mình làm chủ cuộc sống của mình bằng việc hướng vào nội tâm, thanh lọc nội tâm.

Tư tưởng biện tâm giúp các thiền sư trau dồi, tu sửa tâm của mình theo tâm Phật từ đó đem tấm gương rèn luyện ấy đi giáo hóa chúng sinh, tạo nên xu hướng cả xã hội cùng biện tâm góp phần xây dựng xã hội trong sạch, lành mạnh, con người sống vui vẻ, hoà đồng, đoàn kết, tương thân, tương ái, biết thông cảm, yêu thương, chia sẻ khó khăn với nhau, cùng nhau tạo nên truyền thống đoàn kết của dân tộc.

Hơn thế, đạo đức Phật giáo còn tác động đến việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của vua quan cho tới nhân dân. Chịu ảnh hưởng của luân lý Phật giáo, các vua quan trong triều đình đều ý thức phải trau dồi đạo đức, phải biết học hỏi lắng nghe ý kiến của nhân dân. Các vua nhà Trần đã sống một cuộc đời đạo hạnh, yêu nước thương dân sâu sắc, thể hiện triết lý từ bi của nhà Phật. Đó cũng chính là một trong những mục đích mà đạo Phật hướng tới trong vấn đề giáo dục đạo đức xã hội.

4.3. Giá trị tư tưởng về con đường giải thoát tâm trong công cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm

Ảnh hưởng quan niệm thiền biện tâm, người dân trong xã hội đời Trần tự nhận thức được vai trò quyết định cuộc đời mỗi người không phải là ở các yếu tố bên ngoài mà chính do bản thân mình quyết định. Vì vậy, họ đã có những quyết định làm chủ cuộc đời, làm chủ quê hương, làm chủ đất nước. Khi nước nhà lâm vào tình trạng nguy nan của nạn xâm lược mỗi người dân đều ý thức về quyền làm chủ vận mệnh đất nước là do sự quyết định của mỗi người dân trong xã hội. Vậy nên, khi được hỏi ý kiến về việc đánh giặc, mỗi người dân đều sẵn sàng đồng tình với ý chí và lòng quyết tâm cao trong việc chống giặc giữ nước.

Tinh thần phá chấp của Phật giáo đời Trần được thể hiện rõ nét nhất trong tư tưởng của Tuệ Trung thượng sĩ khi ông đưa ra quan điểm phá chấp vào biên kiến để đạt tới cái tâm vô niệm, vô tướng, vô trụ. Tinh thần phá chấp đạt đến đỉnh cao trong cảnh nước nhà bị tấn công; nó cho phép các thiền sư đời Trần có thể sát sinh, chấp nhận giết người. Theo tinh thần giết một người mà cứu muôn người, và đó cũng là làm điều quả phúc. Cái đó khiến Phật tử không hoàn toàn là kẻ bị động, bất bạo động mà có thể vùng lên chống mọi kẻ thù dày xéo lên quê hương đất nước.

Các nhà thiền học đời Trần cho rằng hành động của con người phải “tùy nghi”, “hợp thời”, “đúng lúc”. Vì vậy, trong lúc đất nước lâm nguy, quân thù đang giày xéo lên quê hương đất nước, toàn dân đang trên dưới một lòng đánh đuổi kẻ thù, thì những nhà sư cũng không thể khoanh tay đứng nhìn mà cũng phải lên ngựa cầm quân đuổi giặc.

Tinh thần nhập thế của Phật giáo đời Trần đã tạo ra lớp người đứng đầu đất nước có tinh thần trách nhiệm, dấn thân vào cuộc đời, không nề gian khó, không sợ nguy hiểm, không màng đến sự sống chết, tự mình cầm cương xông pha trận mạc.

Tiểu kết chương 4

Thiền học đời Trần được sáng lập bởi vương triều Trần, các ông vua và tầng lớp quý tộc Trần lại chính là các nhà thiền sư, tự mình sáng tác các tác phẩm thiền học. Bởi vậy triều đại nhà Trần đã sử dụng tư tưởng Thiền học trong suốt quá trình quản lý xã hội và vận dụng nó làm kim chỉ nam cho mọi tư tưởng và hành động của triều Trần. Điều đó đã tạo cho Phật giáo đời Trần một tính chất nhập thế và được xem là giáo lý căn bản dùng nó làm nền tảng cho đạo đức xã hội. Tinh thần nhập thế bản thân nó tạo ra các giá trị trong sự thống nhất giữa tư tưởng và hành động của chính các thiền sư đời Trần; tạo ra sự thống nhất giữa vai trò lãnh đạo dẫn dắt xã hội của vương triều Trần với xây dựng đạo đức xã hội; thống nhất các luồng tư tưởng trong xã hội nhằm phục vụ mục tiêu bảo vệ vương triều Trần, bảo vệ nền độc lập dân tộc, bảo vệ toàn xã hội.

Thiền học đời Trần là một trong những phái Thiền tiêu biểu cho Thiền học Việt Nam. Các thiền sư phái Trúc Lâm cũng như các thiền sư khác của Việt Nam đều đã thể hiện chất thiền của mình qua hành động. Mỗi một nhà thiền học là một người hành thiền ngay trong đời sống của chính mình, tính chất hòa nhập vào cuộc đời đã làm cho Thiền tông Việt Nam nói chung và Thiền học đời Trần nói riêng mang một nét riêng biệt đặc thù và trở thành một lối sống của người tu thiền trong Thiền tông Việt Nam.

Tính chất nhập thế, tinh thần bình đẳng, tư tưởng biện tâm, sự thống nhất giữa tư tưởng và hành động là hệ thống các giá trị mà Thiền học đời Trần đã đạt được. Các giá trị này đã trở thành hệ thống các chuẩn mực đóng vai trò, dẫn dắt, điều chỉnh, tác động tích cực đến các hoạt động của đời sống xã hội đương thời trên các lĩnh vực kinh tế, đạo đức, tư tưởng, văn hóa... làm cho triều đại nhà Trần và xã hội đời Trần có những thành công vang dội trong sự phát triển xã hội và bảo vệ nền độc lập dân tộc.

KẾT LUẬN

Thiền học đời Trần là một bước phát triển tất yếu được qui định bởi những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng và các nhân tố chủ quan của hiện thực xã hội. Trong đó, sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất; xây dựng nhà nước quân chủ trung ương tập quyền; các quy định về chế độ phân biệt đẳng cấp; chế độ hôn nhân nội tộc nhằm bảo vệ vương triều Trần; chính sách ruộng đất đối với nhà chùa; đấu tranh chống giặc ngoại xâm; sự hiểu biết uyên thâm và mến mộ đạo thiền của các ông vua, tầng lớp quý tộc Trần đã hội tụ đủ các yếu tố thuận lợi quyết định cho sự ra đời của Thiền học đời Trần và vai trò chủ đạo của tư tưởng Thiền học đời Trần trong hệ tư tưởng của xã hội đương thời.

Tư tưởng Thiền học đời Trần tập trung chủ yếu ở lý luận về phạm trù Tâm. Lý luận về tâm được nghiên cứu sâu sắc trên các phương diện bản thể luận, nhận thức luận, tâm lý học và đạo đức học ở nhiều tầng nấc và các cấp độ khác nhau. Ở cấp độ cao nhất, đạt tới giải thoát, trình độ nhận thức đạt tới cấp độ Chân đế, mang tính trừu tượng và cần có tư duy ở trình độ cao đã tạo nên một tầng lớp các nhà thiền sư đạt tới trình độ tư duy bác học và đạt tới hạnh nguyện của Phật, đời đạo là một. Ở trình độ tục đế, các vấn đề nhận thức, tâm lý và đạo đức của con người được phân tích tỉ mỉ, sâu sắc, cụ thể với các nội dung về nguồn gốc của nhận thức, cách thức tư duy, quá trình phát triển và diễn biến tâm lý của con người trong quan hệ với thế giới thực tại. Làm rõ các thái cực đối lập và định hướng rõ lợi ích của các giá trị thiện, các giá trị tích cực con người cần hướng đến. Hướng dẫn con người cách thức để đạt được các giá trị thiện đã trở thành một học thuyết về đạo đức tham gia tích cực vào việc xây dựng nền đạo đức xã hội.

Lý luận về giải thoát của Thiền học đời Trần cơ bản dựa trên nền tảng lập luận con người đáng mất bản thể. Chỉ cần gạt bỏ các ảnh hưởng của cảnh đối với tâm thì tự nhiên bản thể sẽ hiện ra, khi đó đạt tới giải thoát. Thiền học đời Trần không chủ trương nhập niết bàn theo nghĩa là nơi tuyệt mỹ, huyền bí nào đó ở cõi Tây phương, mà chỉ có niết bàn tại tâm. Do ảnh hưởng của quan niệm này, Thiền học đời Trần tìm giải thoát bằng cách cải tạo cái tâm và sự giải thoát đó được thực hiện ngay trong cuộc sống hiện thực. Điểm nổi bật

trong Thiền học học đời Trần là nhấn mạnh tư tưởng mọi người đều có thể tu tâm, phương pháp tu tâm đơn giản, không câu nệ không gian, thời gian, địa điểm và hình thức tu hành.

Như vậy, các nhà Thiền học đời Trần không chỉ đề cao một hướng nghiên cứu duy nhất là tìm đường giải thoát cho cá nhân các vị thiền sư ở mục tiêu tối thượng của thiền học mà còn quan tâm cả vấn đề giác ngộ cho chúng sinh, giải thoát chúng sinh, nên tư tưởng Thiền học đời Trần đáp ứng được nhu cầu giải thoát của tất cả các tầng lớp dân cư ở tất cả các căn cơ và trình độ khác nhau của tầng lớp bình dân. Vì vậy, Thiền học đời Trần vừa mang tính cao siêu ở tầm triết học vừa mang tính đại chúng. Điểm này là điểm độc đáo của Thiền học đời Trần so với tất cả các phái thiền học khác và trở thành cơ sở cho việc luận chứng về vai trò của Thiền học đời Trần trong xã hội đương thời.

Có thể nói, trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, chưa từng có hệ tư tưởng nào nghiên cứu về cái tâm của con người một cách có hệ thống, đầy đủ và sâu sắc ở tất cả các khía cạnh của nó từ các góc độ tâm lý, tình cảm, tri thức, nhận thức, ý thức, lý trí và hành động như ở trường phái tư tưởng Thiền học đời Trần. Hệ thống tư tưởng này được các ông vua, tầng lớp quý tộc Trần vừa là các nhà thiền sư thể nghiệm trực tiếp ngay trong cuộc sống của mình. Đồng thời đem các tư tưởng vào trong việc xây dựng các chính sách quản lý xã hội, xây dựng nền đạo đức xã hội. Tư tưởng đó được các tầng lớp dân chúng đón nhận, thực hành theo giáo lý của thiền học. Với đời sống tinh thần đó, Phật giáo đời Trần trở nên trong sạch, lành mạnh vì vậy đã phát huy vai trò tác dụng của mình trong các vấn đề quản lý xã hội, xây dựng nền đạo đức và phát huy vai trò đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp chống giặc cứu nước.

Một số vấn đề trên lĩnh vực tư tưởng của nước ta đời Trần đã được giải đáp theo quan điểm của Phật giáo Thiền tông. Những vấn đề đó vừa liên hệ với thực tế đời sống của đất nước vừa phục tùng những qui luật phát triển nội tại của bản thân Phật giáo. Tuy có những hạn chế, có quan điểm còn trừu tượng, khó hiểu, song Thiền học đời Trần đã có những đóng góp lớn lao cho xã hội đương thời trong phong trào đoàn kết toàn dân đánh giặc giữ nước, góp nhiều công lao cho sự thành công của triều đại nhà Trần.

Tuy nhiên, trong đánh giá vai trò của Phật giáo nói chung cũng như Thiền học đời Trần nói riêng trong thời kỳ này cần phải khách quan nhận định rằng, Thiền học đời Trần không phải là học thuyết chính trị- xã hội, cũng không phải là học thuyết kinh tế, chủ yếu đóng vai trò là một học thuyết về đạo đức con người. Song do nhu cầu của đất nước lúc này đòi hỏi phải có một hệ tư tưởng đoàn kết được toàn dân trong sự nghiệp chống giặc cứu nước, trong hoàn cảnh lịch sử ấy, Phật giáo đã vươn lên đáp ứng nhu cầu quan trọng nhất, nhu cầu sinh tồn của một quốc gia dân tộc mà trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong giai đoạn này (điều này trong bối cảnh lúc đó, Nho giáo và Đạo giáo không thể đảm nhận được). Hình ảnh Trúc Lâm Yên Tử cho thấy về một rừng trúc với những thân cây vàng óng, san sát vươn lên trong điều kiện khó khăn, khắc nghiệt của núi rừng. Đây cũng chính là hình ảnh của toàn thể vua, quan, quân, các thiền sư và toàn thể nhân dân thời Trần, với tấm lòng vàng son, sát cánh cùng nhau, đoàn kết một lòng, chung tay đấu tranh chống giặc ngoại xâm với lời thề “Sát thát” mãi mãi còn vang vọng núi sông. Tinh thần đó đã tạo nên hào khí Đông A, khí thế hào hùng của dân tộc, làm nên diện mạo của xã hội đời Trần và Phật giáo đời Trần.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Đặng Ánh Tuyết, *Tư tưởng giải thoát trong Phật giáo thiên Trúc Lâm Yên Tử*, Tạp chí giáo dục lý luận, số 7+ 8/2012.
2. Đặng Ánh Tuyết, *Tinh thần nhập thế trong tư tưởng Thiên Trúc Lâm Yên Tử*, Tạp chí giáo dục lý luận, số 6/2015.
3. Đặng Ánh Tuyết, *Phạm trù Tâm trong thiên học đời Trần*, Tạp chí giáo dục lý luận, số 7/2015.
4. Đặng Ánh Tuyết, *Nguồn gốc ra đời của Phật giáo đời Trần*, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, số 12 (31)/2015.